TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CL** **TỈNH ĐT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 21/4/2023
"V/v tranh chấp về dân sự
- Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh
2. Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi TT Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh ĐT.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố CL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2022/TLST-DS ngày 29/11/2022, về việc "*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 09/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-DS ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn VTPL;

Địa chỉ: Số 66, Điện Biên Phủ, Tổ 28, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố CL, ĐT

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Văn Ng, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Thanh Tr, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 66, Tổ 11, Khóm 2, Phường 6, thành phố CL, ĐT.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn HD, sinh năm 1968;
2. Bà Trần TT, sinh năm: 1971;

Cùng địa chỉ: Số X, tổ 23, ấp 1, xã Mỹ Tr, thành phố CL, tỉnh ĐT.
Địa chỉ hiện nay: Tổ 11, ấp 3, xã Mỹ Trà, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Ông Trung có mặt, ông Dũng và bà Tuyết vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Thanh Trung trình bày:

- Ngày 17/9/2019, ông Nguyễn HD và bà Trần TT có ký 02 hợp đồng vay vốn của Công ty trách nhiệm hữu hạn VTPL (Sau đây gọi tắt là Công ty Phước Long):

Hợp đồng số NC00588/HĐTC-CC, ngày 06/9/2019 với số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn 90 ngày, từ ngày 06/9/2019 đến ngày 05/12/2019, lãi suất vay vốn 1,57%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,16%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày.

Hợp đồng số NC006290/HĐTC-CC, ngày 17/9/2019 với số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn 90 ngày, từ ngày 17/9/2019 đến ngày 16/12/2019, lãi suất vay vốn 1,57%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn 2,16%/tháng, hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày;

Trong thời gian ông Dũng và bà Tuyết cầm cố xe HONDA WAVE – RS, biển số 66P1-705.24, SK: 12229Y032607, SM: HCL12E0641734 theo hợp đồng số NC00620/HĐTC-CC, ngày 17/9/2019 và xe YAMAHA, biển số 66P1-238.35, SK: 1980158, SM: H980178 theo hợp đồng số NC00588/HĐTC-CC ngày 06/9/2019 cho Công ty Phước Long và Công ty Phước Long có làm Biên bản cho ông Dũng và bà Tuyết mượn xe để làm phương tiện đi lại.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Dũng và bà Tuyết trả nợ được:

- Hợp đồng số NC00588/HĐTC-CC, ngày 06/9/2019 số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông Dũng và bà Tuyết đã góp được 40 ngày (Từ ngày 07/9/2019 đến ngày 16/10/2019) với số tiền là 9.840.000 đồng.

Từ ngày 17/10/2019 đến hết ngày 05/12/2019 ông Dũng và bà Tuyết không tiếp tục góp nửa. Như vậy, số tiền ông Dũng và bà Tuyết còn nợ là:

Tiền gốc 11.112.000 đồng; lãi trong hạn là 523.350 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 06/12/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) là 9.864.789 đồng. Vậy tổng cộng gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 21.500.000 đồng (làm tròn).

- Hợp đồng số NC00620/HĐTC-CC, ngày 17/9/2019 số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông Dũng và bà Tuyết đã góp được 40 ngày (Từ ngày 18/9/2019 đến ngày 27/10/2019) với số tiền là 9.840.000 đồng.

Từ ngày 28/10/2019 đến hết ngày 16/12/2019 ông Dũng và bà Tuyết không tiếp tục góp nửa. Như vậy, số tiền ông Dũng và bà Tuyết còn nợ là:

Tiền gốc 11.112.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 523.350 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 17/12/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) là 9.776.782 đồng. Vậy tổng cộng gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 21.412.000 đồng (làm tròn).

Nay Công ty Phước Long yêu cầu ông Nguyễn HD và bà Trần TT có nghĩa vụ trả cho Công ty Phước Long tổng cộng nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) tổng cộng là 42.912.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 22/4/2023 với mức lãi suất là 2,16%/tháng đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra hai bên có có thỏa thuận tiền phí tín dụng (tiền công cho người đi thu hàng ngày) là 13.000 đồng/ngày, tuy nhiên nay Công ty Phước Long

không yêu cầu ông Dũng và bà Tuyết trả số tiền này; Đồng thời cũng không yêu cầu thu hồi tài sản;

- Đối với bị đơn ông Nguyễn HD và bà Trần TT đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông Nguyễn HD và bà Trần TT vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Dũng và bà Tuyết trả số tiền vay còn nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố CL, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh ĐT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Dũng và bà Tuyết là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Phước Long yêu cầu ông Dũng và bà Tuyết trả số tiền vay cho Công ty Phước Long tổng cộng gồm: nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) là 42.912.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 22/4/2023 với mức lãi suất là 2,16%/tháng đến khi trả hết nợ.

Căn cứ Hợp đồng số NC00588/HĐTC–CC ngày 06/9/6/2019 và Hợp đồng số NC00620/HĐTC–CC ngày 17/9/6/2019 thể hiện Công ty TNHH VTPL có cho ông Dũng và bà Tuyết vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 90 ngày từ ngày vay, lãi suất vay trong hạn: 1,57%/ tháng. Lãi suất nợ quá hạn: 2,16% tháng, mục đích vay để mua bán nhỏ, tiêu dùng, thỏa thuận hình thức cho vay trả góp vốn và lãi định kỳ hàng ngày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Dũng và bà Tuyết trả nợ được:

- Hợp đồng số NC00588/HĐTC-CC, ngày 06/9/2019 số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông Dũng và bà Tuyết đã góp được 40 ngày (Từ ngày 07/9/2019 đến ngày 16/10/2019) với số tiền là 9.840.00 đồng.

- Hợp đồng số NC00620/HĐTC-CC, ngày 17/9/2019 số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông Dũng và bà Tuyết đã góp được 40 ngày (Từ ngày 18/9/2019 đến ngày 27/10/2019) với số tiền là 9.840.00 đồng.

Số tiền còn nợ theo xác định của Công ty Phước Long là:

- Hợp đồng số NC00588/HĐTC-CC, ngày 06/9/2019: Tiền gốc 11.112.000 đồng; lãi trong hạn là 523.350 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 06/12/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) là 9.864.789 đồng. Vậy tổng cộng gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 21.500.000 đồng (làm tròn).

- Hợp đồng số NC00620/HĐTC-CC, ngày 17/9/2019: Tiền gốc 11.112.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 523.350 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 17/12/2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) là 9.776.782 đồng. Vậy tổng cộng gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là 21.412.000 đồng (làm tròn).

Nay Công ty Phước Long yêu cầu ông Nguyễn HD và bà Trần TT có nghĩa vụ trả cho Công ty Phước Long tổng cộng nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) là 42.912.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 22/4/2023 với mức lãi suất là 2,16%/tháng đến khi trả hết nợ.

Yêu trên trên của Công ty Phước Long, Tòa án đã thông báo cho ông Dũng và bà Tuyết biết; đồng thời có thông báo công khai chứng cứ cho cho ông Dũng và bà Tuyết nhưng cho ông Dũng và bà Tuyết không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Công ty Phước Long là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* nên chấp nhận.

[2.3] Đối với tài sản cầm cố và tiền phí tín dụng (tiền công cho người đi thu hàng ngày), do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông Dũng và bà Tuyết có nghĩa vụ trả cho Công ty Phước Long số tiền 42.912.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.912.000 đồng x 5% = 2.145.000 đồng. Công ty không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn VTPL.

2. Buộc ông Nguyễn HD và bà Trần TT trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn VTPL số tiền (nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá) tổng cộng 42.912.000 (Bốn mươi hai triệu chín trăm mười hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng số NC00588/HĐTC-CC ngày 06/9/2019 và Hợp đồng số NC00620/HĐTC-CC ngày 17/9/2019.

3. Về án phí: Ông Nguyễn HD và bà Trần TT phải chịu 2.145.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn VTPL không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.044.000 đồng theo biên lai thu số 0011789 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phú Thọ